

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày: 19-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Thế Hợp và ông Hà Long Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 23/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Cao Văn T; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 01/3/1984 tại huyện G, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm M, xã G1, huyện G, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Tiến T2 (Đã chết) và bà Mai Thị S; có vợ Lưu Thị G (Đã ly hôn) và 02 con; Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án; Ngày 24/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù tại bản án số 61/2018/HS-ST về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 04/8/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù tại bản án số 219/2020/HS-ST về tội Trộm cắp tài sản.

Nhân thân: Ngày 25/4/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 07 năm tù tại bản án số 109/HSST về tội Mua bán trái phép chất ma túy;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/3/2023 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lê Ngọc Đ; sinh năm 1973

Nơi cư trú: Xóm 2, B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt - Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Trịnh Văn T1. Sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Xóm T, xã G1, huyện G, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An tiếp nhận đơn trình báo của ông Lê Ngọc Đ (sinh năm 1973; tạm trú tại: Xóm 2, B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) về việc: Trong thời gian từ ngày 06/5/2022 đến ngày 23/5/2022 03 (Ba) người gồm Cao Xuân L (sinh năm 1976), Trịnh Văn T1 (sinh năm 1983) và Cao Văn T (sinh năm 1984), cùng trú tại: xã G1, huyện G, tỉnh Nam Định) đã ứng trước với ông Đ số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) (Do ba người đã nhận làm thợ xây công trình cho ông Đ). Ngoài ra, ông Đ còn giao 01 (Một) mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo màu đen - xám, gắn biển kiểm soát 29E1-045.96 cho ba người này để làm phương tiện đi lại, sau đó ông Đ về quê tại tỉnh Nam Định. Đến ngày 25/5/2022, khi quay trở lại phòng trọ tại xóm 2, B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng thì ông Đ không thấy và cũng không liên lạc được với L, T và T1 nên đã làm Đơn trình báo Công an huyện Hòa An để giải quyết.

Qua xác minh, Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An xác định được về số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) mà L, T và T1 ứng trước với ông Đ là để phục vụ nhu cầu sinh hoạt, ăn uống và chi tiêu cá nhân hằng ngày. Còn xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo màu đen - xám, gắn biển kiểm soát 29E1-045.96, Cơ quan điều tra tạm giữ để tiếp tục làm rõ. Ngoài vụ việc trên, Cao Xuân L và Cao Văn T còn có hành vi trộm cắp 01 (Một) máy mô tơ của ông Đ để trong phòng trọ mà ông Đ thuê cho L, T và T1 ở. Ông Đ đề nghị Cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định: Sáng ngày 22/5/2022, ông Đ cùng L, T và T1 đi mua 01 (Một) máy trộn bê tông và 01 (Một) máy mô tơ tại thành phố C rồi về cất tại phòng trọ (thuộc xóm 2, B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng). Đến ngày 25/5/2022, lợi dụng việc ông Đ về quê tại tỉnh Nam Định, Cao Văn T và Cao Xuân L đã nảy sinh ý định lấy trộm máy mô tơ để đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo bàn bạc với L và T1 mang máy mô tơ đi bán nhưng T1 không đồng ý. Sau đó, bị cáo đã bê máy mô tơ để dưới gầm giường tại phòng trọ ra ngoài, còn L ngồi trên xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo màu đen - xám, gắn biển kiểm soát 29E1-045.96 đợi sẵn rồi điều khiển xe chở bị cáo đi bán máy mô tơ cho một cửa hàng thu mua sắt vụn gần khu vực đường tròn N, thành phố C được số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Khoảng 01 tiếng sau, L quay về đón T1, đi đến bến xe khách tỉnh Cao Bằng thì gặp bị cáo đang ngồi đợi. L và bị cáo điều khiển xe mô tô đi về tỉnh

Nam Định, còn T1 bắt xe đến xã T, huyện H1, tỉnh Cao Bằng để làm thuê. Đến ngày 16/11/2022, bị cáo đã trả cho ông Đ số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) để trả lại số tiền đã tạm ứng trước đó, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 23/KL-ĐGTS ngày 17/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Hòa An kết luận: “Giá trị của 01 củ mô tơ nhãn hiệu: Vina Motor; Động cơ 1PHA 220V; Kiểu: 1PHT-P4; Công suất 2.2KW; Tốc độ: 1450v/p; Dây đồng: 100% là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSHA ngày 29 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Cao Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Cao Văn T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố; bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là sai, vi phạm pháp luật.

Tại lời khai và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại ông Lê Ngọc Đ trình bày: Nội dung vụ việc đúng như bị cáo đã khai. Về trách nhiệm dân sự, do bị cáo đã bồi thường đầy đủ nên ông không có yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại lời khai của người làm chứng Trịnh Văn T1 cũng khai nhận đúng như nội dung Bản cáo trạng đã phản ánh về hành vi phạm tội của bị cáo T.

Tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cao Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Xử phạt bị cáo Cao Văn T từ 30 (Ba mươi) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phần tranh luận, bị cáo Cao Văn T không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt. Khi nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Ngày 25/5/2022, bị cáo Cao Văn T và Cao Xuân L đã có hành vi trộm cắp 01 (Một) củ mô tơ của ông Lê Ngọc Đ, giá trị còn lại là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Do vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An truy tố bị cáo Cao Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo có 02 (Hai) tiền án, đã tái phạm tại bản án số 219/2020/HS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử khẳng định bị cáo Cao Văn T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết pháp luật nhưng do gặp khó khăn nên đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu đã bị Tòa án xét xử về các tội Mua bán trái phép chất ma túy, Trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rút kinh nghiệm, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo riêng với bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với Cao Xuân L là người đã cùng bị cáo Cao Văn T thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã điều tra, truy tố trước và Tòa án nhân dân huyện Hoà An đã tiến hành xét xử, xử phạt bị cáo Cao Xuân L 12 (Mười hai)

tháng tù tại bản án số 14/2023/HS-ST ngày 20/4/2023 về tội Trộm cắp tài sản.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã chủ động bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải của bản thân. Đồng thời bị hại ông Lê Ngọc Đ có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo nên được chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án: Vụ án không có vật chứng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại lời khai và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị hại ông Lê Ngọc Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề ra xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cao Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Cao Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt giữ, ngày 16/3/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Ngọc Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề ra xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Cao Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Công an huyện Hòa An;
- VKSND huyện Hoà An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS Hòa An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Khánh Dân